

**PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC MUA SẴM HOÁ CHẤT SẢN XUẤT PHỤC VỤ
SẢN XUẤT NĂM 2026 NMNĐ THÁI BÌNH 2**

(Đính kèm Công văn số: 322 /NMĐTB2-KTATMT ngày 25 tháng 02 năm 2026)

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
1	16106009	Hydrochloric acid HCl 30%	Hàm lượng HCl 30±1%; Tỷ trọng ở 20°C ≥ 1,149 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng.	Việt Nam	kg	1.623.919
2	16116003	Sodium Hydroxide NaOH 50%	Hàm lượng NaOH 50±1%; Tỷ trọng ở 20°C ≥ 1,516 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng.	Việt Nam	kg	1.034.612
3	16126008	(Al ₂ (OH) _n Cl _{6-n}) _m Poly Aluminium Chloride (PAC 10%)	Hàm lượng Al ₂ O ₃ ≥ 10%; Độ kiềm 35÷85%; Hàm lượng sắt (Fe) ≤ 100 ppm; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng.	Việt Nam	kg	114.470
4	16126002	Sodium hypochlorite (Nước Javen) NaOCl 10%	Hàm lượng NaOCl 10±1%; Tỷ trọng ở 25°C ≥ 1,12 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng;	Việt Nam	kg	30.000
5	16156002	Anion Polymer CONH ₂ [CH ₂ -CH-] _n	Mã hiệu: KMR Specfloc A-1120; pH 0,5%: 5,5-9; Độ nhớt 0,5%: >80cps; (Oversize) Hạt lớn hơn kích thước tiêu chuẩn: ≤ 1% weight; (Fines) Hạt nhỏ hơn kích thước tiêu chuẩn: ≤ 10% weight; Quy cách: Dạng bột; 25 kg/bao.	KMR/Trung Quốc	kg	1.352
6	16116004	Ammonia NH ₄ OH 25%	Hàm lượng NH ₃ ≥ 25%; Hàm lượng Cl ≤ 1 ppm; Hàm lượng Na ≤ 1 ppm; Hàm lượng Fe ≤ 0,2 ppm; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng;	Việt Nam	kg	20.000
7	16156003	Hóa chất ức chế ăn mòn dạng hữu cơ (N ₂ H ₃) ₂ CO Carbohydrazide	Mã hiệu: CORTROL OS5614; Nhằm loại bỏ oxy và ức chế ăn mòn bề mặt kim loại trong lò hơi. Hàm lượng carbohydrazide 10-30%; Tỷ trọng ở 20°C ≤ 1,02 g/ml; pH(1%) 6.8; Tính tan trong nước: Hoàn toàn; Điểm đông đặc: 0°C; Quy cách: Dạng lỏng, 25kg/can.	Veolia/Trung Quốc	kg	2.758
8	16129002	Trisodium Phosphate Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O	Hàm lượng Na ₃ PO ₄ 98±1%; Quy cách: Dạng bột, 25 kg/bao.	Việt Nam	kg	196
9	16116005	Ammonia khan NH ₃	Hàm lượng NH ₃ lỏng ≥ 99,5 % Quy cách: Dạng lỏng;	Việt Nam	kg	1.569.739
10	16146001	Clor lỏng công nghiệp Cl ₂	Hàm lượng Clo (Cl ₂) ≥ 99 %; Quy cách: Dạng lỏng; Đựng trong bình chứa 900kg/bình.	Việt Nam	kg	182.186
11	16116006	Sodium Hydroxide NaOH 20%	Hàm lượng NaOH 20±1%; Tỷ trọng ở 20°C ≥ 1,2 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng.	Việt Nam	kg	2.569

12	16156016	Chất chống ăn mòn	Mã hiệu: Orgatrol 4201; Hóa chất chống ăn mòn và phân tán bùn cặn cho hệ thống Chiller. Hiệu quả cao xử lý ức chế anod, bảo vệ kim loại đen và kim loại màu; - Hình thành lớp phủ kích thước vi mô trên bề mặt; - Kết hợp với các hợp chất đệm pH; - Kiểm soát hình thành cặn cứng; - Không gây tác động lên các seal, vòng đệm, vật liệu bọc, ống mềm và các miếng đệm; - Tương thích với tất cả các loại Glycol chống đông. Quy cách: Dạng lỏng, 200 kg/Phuy.	Việt Nam	kg	2.710
13	16116007	Sodium Hydroxide NaOH 30%	Hàm lượng NaOH 30±1%; Tỷ trọng ở 20°C ≥ 1,3 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng.	Việt Nam	kg	15.000
14	16106010	Axit sunfuric H2SO4 50%	Hàm lượng H2SO4 50±1%; Tỷ trọng ở 30°C ≥ 1,38 g/ml; Quy cách: Dạng dung dịch lỏng;	Việt Nam	kg	15.000
15	16156006	Hóa chất chống đóng, bám cặn thạch cao trên thiết bị	- Dùng để chống đóng, bám cặn thạch cao trên thiết bị hệ thống FGD trong nhà máy nhiệt điện than; - Mã hiệu: pHREEdom 5200M; - Trạng thái: Lỏng; - Màu sắc: Màu vàng nhạt; - Nồng độ chất chống đóng bám cặn: Polyamino polyether methylene phosphonic acid (PAPEMP) ≥ 20% (% khối lượng); - Nồng độ chất phân tán High Stress Polymer (HSP) ≥ 4% (% khối lượng); - Độ nhớt động lực : ≥ 16 mPa.s (4,4°C); - Tỷ trọng tương đối : 1.17-1.21 (25°C); - Độ pH : 4.2-5.2 (100%), (25°C); - Điểm chớp cháy: >100°C.	Nalco/Đài Loan	kg	4.080

